

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÌNH CHÁNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 278/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nga.

Bà Phan Thị Dòn.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1067/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Lê Thảo N**, sinh năm 1996;

CCCD số: 082196010619;

Địa chỉ thường trú: Tổ B ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang; Địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp A (nay là ấp F), xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1986;

CCCD số: 079086009552;

Địa chỉ thường trú: B Đường số I, khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp A (nay là ấp F), xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Lê Thảo N trình bày:

Bà và ông Trần Thanh T chung sống với nhau vào năm 2017 do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 403 ngày 20/12/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông T có 01 (một) con chung là trẻ Trần Nguyễn Thảo N1 (giới tính nữ, sinh ngày 31/01/2018), hiện trẻ N1 đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ N1, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Lê Thảo N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến như sau:

Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Lê Thảo N. Về con chung: Giao trẻ Trần Nguyễn Thảo N1 (giới tính nữ, sinh ngày 31/01/2018) cho bà Nguyễn Lê Thảo N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Thanh T. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Lê Thảo N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Lê Thảo N và ông Trần Thanh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20/12/2017. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn bà Nguyễn Lê Thảo N có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Trần Thanh T mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông T.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 403 đăng ký ngày 20/12/2017 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Lê Thảo N và ông Trần Thanh T có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại văn bản số 289/UBND ngày 17/01/2025 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc phúc đáp xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T, cho biết chưa tiếp nhận, chưa thực hiện yêu cầu hoà giải mâu thuẫn hôn nhân và gia đình giữa bà N và ông T.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Thanh T vắng mặt, không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Lê Thảo N và không có bất kỳ động thái nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân này. Toàn bộ lời khai của bà N cũng như tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công khai trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hoà giải, đã được Tòa án thông báo cho ông T, thế nhưng ông T không có ý kiến phản hồi cũng không phản đối. Theo lời trình bày của bà N thì bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Lê Thảo N xác định quá trình chung sống, bà và ông T chỉ có một con chung là trẻ Trần Nguyễn Thảo N1 (giới tính nữ, sinh ngày 31/01/2018) và căn cứ Giấy khai sinh số 567 đăng ký ngày 21/5/2018 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định trẻ N là con của bà N và ông T.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...”

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”.

Xét thấy, trẻ N1 còn nhỏ, trong giai đoạn hoàn thiện về mặt tâm sinh lý để phát triển về mọi mặt, cần sự chăm sóc, gần gũi, yêu thương, chia sẻ, dạy dỗ nhiều từ mẹ. Hiện nay, trẻ N1 đang được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Quá trình tố tụng vụ án, Tòa án cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng thông báo cho ông T biết về yêu cầu bà N muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên ông T không có bất kỳ động thái nào phản đối. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ và tránh làm cuộc sống của trẻ bị xáo trộn nên giao trẻ N1 cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Phần cấp dưỡng nuôi con bà N không có yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Lê Thảo N xác định quá trình chung sống không có tạo lập tài sản chung với ông Trần Thanh T và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Lê Thảo N xác định quá trình chung sống bà và ông Trần Thanh T không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Lê Thảo N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 4, Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Lê Thảo N đối với ông Trần Thanh T. Bà Nguyễn Lê Thảo N được ly hôn với ông Trần Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 403 đăng ký ngày 20/12/2017 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Trần Nguyễn Thảo N1 (giới tính nữ, sinh ngày 31/01/2018) cho bà Nguyễn Lê Thảo N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Phản cấp dưỡng nuôi con bà Nguyễn Lê Thảo N không có yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Ông Trần Thanh T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Lê Thảo N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Lê Thảo N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Lê Thảo N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0051510 ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Lê Thảo N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

Nguyễn Thị Ngọc Châu